

Số: 47

/GCN-SXD-VLXD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 25/3/2024, ngày 07/5/2024 và ngày 24/5/2024; báo cáo khắc phục số 02/BC/2024 ngày 23/5/2024 của Trung tâm Nghiên cứu Thử nghiệm Bách Khoa (Giấy tiếp nhận hồ sơ số H29.18-240323-0012 ngày 25/3/2024 và ngày 07/5/2024, số H29.18-240524-0025 ngày 24/5/2024);

Xét Biên bản đánh giá thực tế ngày 04/4/2024 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và báo cáo ngày 30/5/2024 của chuyên gia sau khi xem xét hồ sơ khắc phục của doanh nghiệp (văn bản đến Sở Xây dựng ngày 30/5/2024);

Theo đề nghị tại Phiếu trình số 421/PTr-VLXD ngày 30/5/2024 của Phòng Vật liệu xây dựng;



**CHỨNG NHẬN:****1. Trung tâm Nghiên cứu Thử nghiệm Bách Khoa**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ: Số 139/ĐK-KHCN đăng ký lần đầu ngày 21/8/2006, đăng ký lần 02 ngày 14/3/2013 do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ: Số 19A đường TX 39, Khu phố 3, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định công trình.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 19A đường TX 39, Khu phố 3, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

**2. Mã số LAS-XD: LAS-XD 58.017<sup>1</sup>** (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

**3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.**

**4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.**

**Nơi nhận:**

- Trung tâm Nghiên cứu Thử nghiệm Bách Khoa;
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Văn phòng Sở (đăng tải website);
- Lưu VT, VLXD/NTD, Toàn.

H29.18-240323-0012 ngày 25/3/2024, ngày  
07/5/2024; H29.18-240525-0025 ngày  
24/5/2024.



**Đặng Phú Thành**

<sup>1</sup> Chuyển đổi từ LAS-XD 474 theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 242/GCN-BXD ngày 27/3/2019 của Bộ Xây dựng.

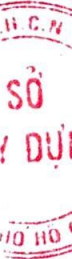
**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM  
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 58.017**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng*

*số 47 /GCN-SXD-VLXD ngày 31 /5/2024 của Sở Xây dựng)*



STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử nghiệm (*)
<b>I</b>	<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>	
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
2	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022
3	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
4	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
6	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022
7	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
8	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
<b>II</b>	<b>THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
9	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
10	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
11	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
12	Xác định khối lượng riêng thể tích xốp, độ hong	TCVN 7572-6:2006
13	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
14	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
15	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
16	Xác định độ nén đập và hệ số mềm hóa của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
17	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
18	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006



STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
19	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
20	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
<b>III</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>	
21	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
22	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
23	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
24	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014
25	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
26	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
27	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy 3 trục (UU, CU, CD, CV)	ASTM D 2850
28	Xác định nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-2001
29	Xác định hàm lượng hữu cơ	AASHTO T267-1986
30	Xác định Modul đàn hồi vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013
31	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
32	Phương pháp đo thể tích bằng dầu hỏa	TCVN 4202:2012
33	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012
34	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012
35	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:2011
36	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
<b>IV</b>	<b>THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN</b>	
37	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
38	Thử uốn	TCVN 198:2008
39	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp thử uốn	TCVN 5401:2010
40	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010
41	Thử kéo bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370; ASTM F606
<b>V</b>	<b>THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA</b>	

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
42	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
43	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
44	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
45	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
46	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011
47	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
48	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
49	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
50	Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
51	Xác định thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820:2011
<b>VI</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM</b>	
52	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng bi)	TCVN 7497:2005
53	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504: 2005
<b>VII</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>	
54	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012 ASTM D1556:2000
55	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020 TCVN 8729:2012; TCVN 8728:2012 AASHTO T204:1990
56	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965:1996
57	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D 4429:1992
58	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012



<b>STT</b>	<b>Tên phép thử</b>	<b>Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)</b>
59	Xác định mô đun đàn hồi nền, mặt đường bằng cân đo vồng benkenman	TCVN 8867:2011 ASTM D4695:1996; AASHTO T256:77
60	Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
61	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573
62	Xác định mô đun đàn hồi nền, mặt đường, các lớp kết cấu bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
63	Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
<b>VIII</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
64	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
65	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
66	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022

**Ghi chú (\*):** Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng./.